

Bản án số: 307/2021/HS-PT

Ngày: 26/10/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hoài Nam

*Các Thẩm phán:* 1/ Ông Đặng Hồng Sơn

2/ Ông Phan Thanh Nguyễn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2021, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 187/2021/TLPT-HS, ngày 11/05/2021 đối với các bị cáo N và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2021/HSST, ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Các bị cáo kháng cáo:*

**1. Bị cáo N**, sinh năm 19/9/2001 tại Hà Tĩnh; Thường trú: đường A, Khu phố B, phường C, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường D, phường E, thành phố DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông M và bà N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

**2. Bị cáo M**, sinh năm 24/10/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường A1, khu phố B1, phường C1, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên siêu thị; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông M1 và bà N1; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

**3. Bị cáo P**, sinh năm 13/3/2001 tại tỉnh Vĩnh Long; Thường trú: Khóm A2, thị trấn B2, huyện C2, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: đường D2, Khu phố E2, phường HBC, thành phố TD, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên siêu thị; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông M2 và bà N2; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

**4. Bị cáo T**, sinh năm 27/4/2001 tại tỉnh Thanh Hóa; Thường trú: Thôn A3, xã B3, huyện C3, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú: đường D3, Khu phố E3, phường X, thành phố DX, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên siêu thị; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông M3 và bà N3; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 17/10/2020, N, M, T và P ngồi uống nước với nhau tại quán cà phê To To quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi uống nước, Bị cáo N rủ M, P và Thọ đánh bài cào tố 03 lá thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Bị cáo N liền đến tiệm tạp hóa trên đường Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức mua 02 bộ bài tây màu xanh loại 52 lá đem về quán cà phê To To. Cách thức đánh bài cào tố 03 lá được Bị cáo N, M, P và Thọ áp dụng là số tiền đặt cửa (đi làng) mỗi ván là 20.000 đồng mỗi người, mỗi ván bài được tổ tới đa 05 vòng và mỗi vòng không được tổ quá số tiền 100.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi Bị cáo N, M, P và Thọ đang đánh bạc trái phép với nhau thì bị Công an phường Bình Thọ, quận Thủ Đức phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tổng số tiền dùng đánh bạc là 7.470.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, N, M, T và P khai nhận:

Khi đánh bạc, M bỏ ra số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, thắng được số tiền 340.000 đồng, bị thu giữ số tiền 2.040.000

đồng, trong đó 90.000 đồng trên chiếu bạc và 1.950.000 đồng để trong túi quần.

Bị cáo N bỏ ra số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, thắng được số tiền 1.470.000 đồng, bị thu giữ số tiền 2.070.000 đồng, trong đó 1.220.000 đồng trên chiếu bạc và 850.000 đồng để trong túi quần.

Thọ bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, thắng số tiền 40.000 đồng, bị thu giữ số tiền 3.040.000 đồng, trong đó 540.000 đồng trên chiếu bạc và 2.500.000 đồng để trong túi quần.

P bỏ ra số tiền 2.170.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, bị thua số tiền 1.850.000 đồng, bị thu giữ 320.000 đồng trên chiếu bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2021/HSST ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo N, M, P và T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020.

Xử phạt bị cáo M 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020.

Xử phạt bị cáo P 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020.

Xử phạt bị cáo T 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/4/2021 các bị cáo N, M, P, T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án hình sự sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đơn kháng cáo của các bị cáo nằm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, từ đó áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo N 07 tháng tù, các bị cáo M, P và T 06 tháng tù.

Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo P, T, M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc nhỏ, các bị cáo không phải là người rủ rê, lôi kéo thực hiện việc đánh bạc, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Mặt khác, hiện nay các bị cáo đang có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Xét không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa.

Đối với bị cáo N, do bị cáo là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc, do vậy cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án và không được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo N.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, T, M, sửa bản án hình sự sơ thẩm đối với các P, Thọ, M và cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3] Các vấn đề khác:

Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo P, T, M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo N.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo M, P và T và sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo M, P và T.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo N 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 17/10/2020 đến ngày 20/10/2020.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo M 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo M về Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo M có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo P về Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử

thách. Gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T về Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

5. Các bị cáo M, P, T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo N phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*(Đã giải thích chế độ án treo cho các bị cáo P, M và T)*

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Tp. Thủ Đức; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Tp. Thủ Đức; (1)
- Bị cáo; (4)
- TAND Tp. Thủ Đức; (1)
- Công an Tp. Thủ Đức; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Hoài Nam**

